

PHÂN LOẠI ĐỀ THI ĐẠI HỌC MÔN HOÁ KHỐI B - NĂM 2014
THEO CẤU TRÚC ĐỀ THI ĐẠI HỌC

Theo lời thứ trưởng BGD BÙI VĂN GA:

“ Xu hướng ra đề thi là để kiểm tra năng lực, tức là từ kiến thức mà các em đã học kiểm tra khả năng tư duy sáng tạo như thế nào, áp dụng kiến thức đã học ra sao trong thực tiễn... Vì vậy, đề thi không nhất thiết phải bao trùm hết kiến thức các em đã học ở bậc phổ thông.

Nếu phần kiến thức để kiểm tra năng lực đó chỉ nằm ở phần giao thoa giữa chương trình chuẩn và chương trình nâng cao thì không cần phải có phần đề thi theo chương trình chuẩn và phần theo chương trình nâng cao cho thí sinh chọn nữa nữa, giống như các đề thi toán và lý vừa rồi. “

Theo cấu trúc của BGD ở các năm 2013 trở về trước có 40 câu chung; HS tự chọn 10 câu tùy kiến thức chuẩn hay nâng cao. 10 câu của mỗi loại kiến thức này có phần giao thoa giống nhau và phần không giống với phần chung.

Vậy chúng ta xem thử đề thi khối B - đại học năm 2014 theo cấu trúc như thế nào? Và so với đề của khối A-2014 có gì khác nhau nhiều hay không? Ta lấy mã đề 739 làm ví dụ so sánh

I. PHẦN CHUNG GIỐNG VỚI PHẦN CHUNG:

Nội dung	số câu
<p><u>Nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hoá học, liên kết hoá học.</u></p> <p>Câu 27. Hai nguyên tố X, Y cùng một chu kỳ trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, X thuộc nhóm IIA, Y thuộc nhóm IIIA ($Z_X + Z_Y = 51$). Phát biểu nào sau đây đúng?</p> <p>A. Kim loại X không khử được Cu^{2+} trong dung dịch.</p> <p>B. Hợp chất có oxi của X có dạng X_2O_7.</p> <p>C. Trong nguyên tử của nguyên tố X có 25 proton.</p> <p>D. Ở nhiệt độ thường X không khử được nước.</p> <p>Câu 37. Ion X^{2+} có cấu hình electron ở trạng thái cơ bản là $1s^2 2s^2 2p^6$. Nguyên tố X là</p> <p>A. Ne ($Z = 10$). B. Mg ($Z = 12$). C. Na ($Z = 11$). D. O ($Z = 8$)</p>	2
<p><u>Phản ứng oxi hoá- khử, tốc độ phản ứng, cân bằng hoá học</u></p> <p>Câu 3. Cho phản ứng: $SO_2 + KMnO_4 + H_2O \rightarrow K_2SO_4 + MnSO_4 + H_2SO_4$. Trong phương trình hóa học trên khi hệ số của $KMnO_4$ là 2 thì hệ số của SO_2 là</p> <p>A. 5 B. 6 C. 4 D. 7</p> <p>Câu 31. Thực hiện phản ứng sau trong bình kín: $H_2 (k) + Br_2 (k) \rightarrow 2HBr (k)$. Lúc đầu nồng độ hơi brom là 0,072 mol/lít. Sau 2 phút nồng độ hơi của brom là 0,048 mol/lít. Tốc độ trung bình của phản ứng trên theo brom trong khoảng thời gian trên là</p> <p>A. 8.10^{-4} mol/(l.s) B. 6.10^{-4} mol/(l.s) C. 4.10^{-4} mol/(l.s) D. 2.10^{-4} mol/(l.s)</p>	2
<p><u>Sự điện li</u></p> <p>Câu 15. Dung dịch X gồm 0,1 mol K^+, 0,2 mol Mg^{2+}, 0,1 mol Na^+, 0,2 mol Cl^- và a mol Y^{2-}. Cô cạn dung</p>	

<p>dịch X thu được m gam muối khan. Ion Y^{2-} và giá trị của m là</p> <p>A. SO_4^{2-} và 56,5. B. CO_3^{2-} và 30,1. C. SO_4^{2-} và 37,3. D. B. CO_3^{2-} và 42,1.</p> <p>Câu 24. Cho phản ứng hóa học $NaOH + HCl \rightarrow NaCl + H_2O$. Phản ứng hóa học nào sau đây có cùng phương trình ion thu gọn với phản ứng trên?</p> <p>A. $2KOH + FeCl_2 \rightarrow Fe(OH)_2 + 2KCl$. B. $NaOH + NaHCO_3 \rightarrow Na_2CO_3 + H_2O$.</p> <p>C. $NaOH + NH_4Cl \rightarrow NaCl + NH_3 + H_2O$. D. $KOH + HNO_3 \rightarrow KNO_3 + H_2O$.</p> <p>Câu 19. Cho muối X tác dụng với dung dịch NaOH dư, thu được dung dịch chứa hai chất tan. Mặt khác cho a gam dung dịch muối X tác dụng với a gam dung dịch chứa $Ba(OH)_2$, thu được 2a gam dung dịch Y. Công thức của X là</p> <p>A. KHS. B. $NaHSO_4$. C. NaHS. D. $KHSO_3$.</p>	3
---	---

<p><u>Cacbon, silic, nitơ, photpho, oxi, lưu huỳnh, các nguyên tố thuộc nhóm halogen; các hợp chất của chúng</u></p>	
<p>Câu 2. hấp thụ hoàn toàn 3,36 lít khí CO_2 (điều kiện tiêu chuẩn) vào dung dịch chứa 0,15 mol NaOH và 0,1 mol $Ba(OH)_2$ thu được m gam kết tủa. Giá trị của m là</p> <p>A. 14,775 B. 9,850 C. 29,550 D. 19,700</p> <p>Câu 25. Nung nóng bình kín chứa a mol hỗn hợp NH_3 và O_2 (có xúc tác Pt) để chuyển toàn bộ NH_3 thành NO. Làm nguội và thêm nước vào bình, lắc đều thu được 1 lít dung dịch HNO_3 có pH = 1, còn lại 0,25a mol khí O_2. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a là</p> <p>A. 0,1 B. 0,4 C. 0,3 D. 0,2</p> <p>Câu 33. Trong công nghiệp để sản xuất ra H_3PO_4 có độ tinh khiết và nồng độ cao, người ta làm cách nào sau đây?</p> <p>A. Cho dung dịch axit H_2SO_4 đặc nóng tác dụng với quặng apatit.</p> <p>B. Đốt cháy photpho trong oxi dư, cho sản phẩm tác dụng với nước.</p> <p>C. Cho photpho tác dụng với HNO_3 đặc nóng.</p> <p>D. Cho dung dịch axit H_2SO_4 đặc nóng tác dụng với quặng photphorit.</p> <p>Câu 34. Cho m gam P_2O_5 tác dụng với 253,5 ml dung dịch NaOH 2M, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X thu được 3m gam chất rắn khan. Giá trị của m là</p> <p>A. 21,30 B. 8,52. C. 12,78 D. 7,81.</p> <p>Câu 44. Cho hình vẽ mô tả thí nghiệm điều chế Cl_2 từ MnO_2 và dung dịch HCl.</p>	5
<p>Khí Cl_2 sinh ra thường có lẫn hơi nước và hidroclorua. Để thu được khí Cl_2 khô thì bình (1) và bình (2) lần</p>	

<p>lượt đưng</p> <p>A. dung dịch NaOH và dung dịch H₂SO₄ đặc. B. dung dịch H₂SO₄ đặc và dung dịch NaCl. C. dung dịch H₂SO₄ đặc và dung dịch AgNO₃. D. dung dịch NaCl và dung dịch H₂SO₄ đặc.</p>	
<p><u>Đại cương về kim loại.</u></p> <p>Câu 4. phương trình hóa học nào sau đây không đúng?</p> <p>A. $\text{Ca} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{Ca(OH)}_2 + \text{H}_2$. B. $2\text{Al} + \text{Fe}_2\text{O}_3 \xrightarrow{t^\circ} \text{Al}_2\text{O}_3 + 2\text{Fe}$ C. $4\text{Cr} + 3\text{O}_2 \xrightarrow{t^\circ} 2\text{Cr}_2\text{O}_3$. D. $2\text{Fe} + 3\text{H}_2\text{SO}_4 (\text{l}) \rightarrow \text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + \text{H}_2$.</p> <p>Câu 8. Nung nóng hỗn hợp bột gồm a mol Fe và b mol S trong khí trơ, hiệu suất phản ứng bằng 50%, thu được hỗn hợp rắn Y. Cho Y vào dung dịch HCl dư, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được hỗn hợp khí Z có tỉ khối so với H₂ là 5. Tỉ lệ a : b là</p> <p>A. 2 : 1. B. 1 : 1. C. 3 : 1. D. 3 : 2.</p> <p>Câu 11. Cho bột Fe vào dung dịch AgNO₃ dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được dung dịch gồm các chất</p> <p>A. Fe(NO₃)₂, AgNO₃, Fe(NO₃)₃. B. Fe(NO₃)₂, AgNO₃. C. Fe(NO₃)₃, AgNO₃. D. Fe(NO₃)₂, Fe(NO₃)₃.</p>	3
<p><u>Kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm; các hợp chất của chúng.</u></p> <p>Câu 26. Các dung dịch nào sau đây đều tác dụng với Al₂O₃?</p> <p>A. Na₂SO₄, HNO₃. B. HNO₃, KNO₃. C. HCl, NaOH. D. NaCl, NaOH.</p> <p>Câu 32. Kim loại nào sau đây tan hết trong nước dư ở nhiệt độ thường?</p> <p>A. Na. B. Fe. C. Mg. D. Al.</p> <p>Câu 40. Cho dãy chuyển hóa sau: $\text{X} \xrightarrow{+\text{CO}_2+\text{H}_2\text{O}} \text{Y} \xrightarrow{+\text{NaOH}} \text{X}$. Công thức của X là</p> <p>A. NaOH B. Na₂CO₃. C. NaHCO₃. D. Na₂O.</p>	3
<p><u>Tổng hợp nội dung kiến thức hoá học vô cơ thuộc chương trình phổ thông:</u></p> <p>Câu 18. Cho 3,48 gam Mg tan hết trong dung dịch hỗn hợp gồm HCl (dư) và KNO₃, thu được dung dịch X chứa m gam muối và 0,56 lít (điều kiện tiêu chuẩn) khí Y gồm N₂ và H₂. Khí Y có tỉ khối so với H₂ bằng 11,4. giá trị của m là</p> <p>A. 16,085. B. 14,485. C. 18,300. D. 18,035.</p> <p>Câu 28. Tiến hành các thí nghiệm sau</p> <p>(a) Cho dung dịch NH₃ vào dung dịch BaCl₂. (b) Sục khí SO₂ vào dung dịch H₂S. (c) Cho dung dịch AgNO₃ vào dung dịch H₃PO₄. (d) Cho dung dịch AgNO₃ vào dung dịch HCl. (e) Cho dung dịch AgNO₃ vào dung dịch HF.</p> <p>Sau khi thí nghiệm kết thúc, số trường hợp thu được kết tủa là</p>	6

A. 2	B. 3	C. 5	D. 4	
<p>Câu 30. Hòa tan hết 10,24 gam hỗn hợp X gồm Fe và Fe₃O₄ bằng dung dịch chứa 0,1 mol H₂SO₄ và 0,5 mol HNO₃, thu được dung dịch Y và hỗn hợp gồm 0,1 mol NO và a mol NO₂ (không còn sản phẩm khử nào khác). Chia dung dịch Y thành hai phần bằng nhau. Phần một tác dụng với 500 ml dung dịch KOH 0,4M, thu được 5,35 gam một chất kết tủa. Phần hai tác dụng với dung dịch Ba(OH)₂ dư, thu được m gam kết tủa. Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của m là</p> <p style="text-align: center;">A. 20,62 B. 41,24 C. 20,21 D. 31,86</p>				
<p>Câu 41. Cho các phản ứng sau</p> <p>(a) $C + H_2O (hơi) \xrightarrow{t^o}$ (b) $Si + \text{dung dịch NaOH} \rightarrow$</p> <p>(c) $FeO + CO \xrightarrow{t^o}$ (d) $O_3 + Ag \rightarrow$</p> <p>(e) $Cu(NO_3)_2 \xrightarrow{t^o}$ (f) $KMnO_4 \xrightarrow{t^o}$</p> <p>Số phản ứng sinh ra đơn chất là</p> <p style="text-align: center;">A. 4 B. 3 C. 5 D. 6</p>				
<p>Câu 43. Hỗn hợp X gồm hai muối R₂CO₃ và RHCO₃. Chia 44,7 gam X thành ba phần bằng nhau. Phần một tác dụng hoàn toàn với dung dịch Ba(OH)₂ dư, thu được 35,46 gam kết tủa. Phần hai tác dụng hoàn toàn với dung dịch BaCl₂ dư, thu được 7,88 gam kết tủa. Phần ba tác dụng tối đa với V ml dung dịch KOH 2M. Giá trị của V là</p> <p style="text-align: center;">A. 180 ml B. 200 ml C. 110 ml D. 70 ml</p>				
<p>Câu 45. Cho hỗn hợp X gồm Al và Mg tác dụng với 1 lít dung dịch gồm AgNO₃ a mol/lít và Cu(NO₃)₂ 2a mol/lít, thu được 45,2 gam chất rắn Y. Cho Y tác dụng với dung dịch H₂SO₄ đặc nóng dư, thu được 7,84 lít khí SO₂ (ở điều kiện tiêu chuẩn, là sản phẩm khử duy nhất). Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn. Giá trị của a là</p> <p style="text-align: center;">A. 0,25. B. 0,30. C. 0,15. D. 0,20.</p>				
<p><u>Đại cương hoá học hữu cơ, hidrocarbon.</u></p> <p>Câu 6. Đốt cháy hoàn toàn 0,2 mol hỗn hợp X gồm một ankan và một anken, thu được 0,35 mol CO₂ và 0,4 mol H₂O. phần trăm số mol anken trong X là</p> <p style="text-align: center;">A. 40%. B. 50%. C. 25%. D. 75%.</p>				
<p>Câu 13. Trùng hợp hidrocarbon nào sau đây tạo ra polime dùng để sản xuất cao su buna?</p> <p style="text-align: center;">A. 2-metylbuta-1,3-đien B. Penta-1,3-đien</p> <p style="text-align: center;">C. But-2-en. D. Buta-1,3-đien.</p>				
<p>Câu 46. Trong phân tử propen có số liên kết xích ma là</p> <p style="text-align: center;">A. 7 B. 6 C. 8 D. 9</p>				
<p><u>Dẫn xuất halogen, ancol, phenol.</u></p> <p>Câu 9. đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol một ancol đơn chức trong 0,7 mol O₂ (dư) thu được tổng số mol các khí</p>				

<p>và hơi bằng 1 mol. khối lượng ancol ban đầu đem đốt cháy là</p> <p>A. 8,6 gam. B. 6,0 gam. C. 9,0 gam. D. 7,4 gam.</p> <p>Câu 14. Số đồng phân cấu tạo có công thức phân tử $C_8H_{10}O$, chứa vòng benzen, tác dụng được với Na, không tác dụng được với dung dịch NaOH là</p> <p>A. 3 B. 5 C. 6 D. 4</p> <p>Câu 23. Ancol nào sau đây có số nguyên tử cacbon bằng số nhóm $-OH$?</p> <p>A. Propan-1,2-diol B. Glixerol C. Ancol benzylic D. Ancol etylic</p>	3
<p><u>Andehit, xeton, axit cacboxylic.</u></p> <p>Câu 17. Trường hợp nào sau đây không tạo ra CH_3CHO?</p> <p>A. Oxi hóa CH_3COOH.</p> <p>B. Oxi hóa không hoàn toàn C_2H_5OH bằng CuO đun nóng.</p> <p>C. Cho $CH\equiv CH$ cộng H_2O (t°, xúc tác $HgSO_4, H_2SO_4$)</p> <p>D. Thủy phân $CH_3COOCH=CH_2$ bằng KOH đun nóng.</p> <p>Câu 20. Chia 20,8 gam hỗn hợp gồm hai andehit đơn chức là đồng đẳng kế tiếp thành hai phần bằng nhau. Phần một tác dụng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3, đun nóng, thu được 108 gam Ag. Phần hai tác dụng hoàn toàn với H_2 dư (xúc tác Ni, t°) thu được hỗn hợp X gồm hai ancol Y và Z ($M_Y < M_Z$). Đun nóng X với H_2SO_4 ở $140^\circ C$, thu được 4,52 gam hỗn hợp ba ete. Biết hiệu suất phản ứng tạo ete của Y là 50%. Hiệu suất phản ứng tạo ete của Z bằng</p> <p>A. 40% B. 60% C. 30% D. 50%</p> <p>Câu 22. Axit nào sau đây là axit béo?</p> <p>A. Axit Acetic. B. Axit Glutamic. C. Axit Stearic. D. Axit Adipic.</p> <p>Câu 42. Dung dịch axit acrylic ($CH_2=CH-COOH$) không phản ứng được với chất nào sau đây?</p> <p>A. Na_2CO_3. B. $Mg(NO_3)_2$. C. Br_2. D. NaOH.</p> <p>Câu 48. Andehit acetic thể hiện tính oxi hóa trong phản ứng nào sau đây?</p> <p>A. $CH_3CHO + H_2 \xrightarrow{Ni, t^\circ} CH_3CH_2OH$. B. $2CH_3CHO + 5O_2 \xrightarrow{t^\circ} 4CO_2 + 4H_2O$.</p> <p>C. $CH_3CHO + Br_2 + H_2O \rightarrow CH_3COOH + 2HBr$.</p> <p>D. $CH_3CHO + 2AgNO_3 + 3NH_3 + H_2O \xrightarrow{t^\circ} CH_3COONH_4 + 2NH_4NO_3 + 2Ag$.</p>	5
<p><u>Este, lipit.</u></p> <p>Câu 10. Hai ester X, Y có cùng công thức phân tử $C_8H_8O_2$ và chứa vòng benzen trong phân tử. Cho 6,8 gam hỗn hợp gồm X và Y tác dụng với NaOH dư, đun nóng, lượng NaOH phản ứng tối đa là 0,06 mol, thu được dung dịch Z chứa 4,7 gam ba muối. khối lượng muối của axit cacboxylic có phân tử khối lớn hơn trong Z là</p> <p>A. 0,82 g B. 0,68 g C. 2,72 g D. 3,40 g</p> <p>Câu 21. Thủy phân hoàn toàn 0,1 mol ester X bằng NaOH, thu được một muối của axit cacboxylic Y và</p>	2

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

<p>7,6 gam ancol Z. Chất Y có phản ứng tráng bạc, Z hòa tan được $\text{Cu}(\text{OH})_2$ tạo dung dịch màu xanh lam. công thức cấu tạo của X là</p> <p>A. $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_2\text{CH}_2\text{OOCH}$. B. $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_2\text{OOCCH}_3$. C. $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{CH}_2\text{OOCCH}_3$. D. $\text{HCOOCH}_2\text{CH}(\text{CH}_3)\text{OOCH}$.</p>	
<p><u>Amin, amino axit, protein.</u></p> <p>Câu 29. hỗn hợp X gồm ba peptit đều mạch hở có tỉ lệ mol tương ứng là 1 : 1 : 3. Thủy phân hoàn toàn m gam X, thu được hỗn hợp sản phẩm gồm 14,24 gam alanin, và 8,19 gam valin. Biết tổng số liên kết peptit trong phân tử của ba peptit nhỏ hơn 13. Giá trị của m là</p> <p>A. 18,83 B. 18,29 C. 19,19 D. 18,47</p> <p>Câu 47. Amino axit X trong phân tử chỉ chứa hai loại nhóm chức. Cho 0,1 mol X tác dụng vừa đủ với 0,2 mol NaOH, thu được 17,7 gam muối. Số nguyên tử hydro trong phân tử X là</p> <p>A. 9 B. 6 C. 7 D. 8</p> <p>Câu 50. Có bao nhiêu tripeptit (mạch hở) sau khi thủy phân hoàn toàn đều thu được sản phẩm gồm có alanin và glyxin?</p> <p>A. 8 B. 5 C. 7 D. 6.</p>	3
<p><u>Cacbonhidrat</u></p> <p>Câu 49. Glucozo và fructozo đều</p> <p>A. có công thức phân tử $\text{C}_6\text{H}_{10}\text{O}_5$. B. có phản ứng tráng bạc. C. thuộc loại disaccarit D. có nhóm chức $-\text{CH}=\text{O}$ trong phân tử.</p>	1
<p><u>Polime, vật liệu polime</u></p> <p>Câu 35. Poli(etylen terephtalat) được điều chế bằng phản ứng giữa axit terephtalic với chất nào sau đây?</p> <p>A. Etilen glicol. B. Etilen. C. Glixerol. D. Ancol etylic.</p>	1
<p><u>Tổng hợp nội dung kiến thức hoá học hữu cơ thuộc chương trình phổ thông.</u></p> <p>Câu 7. Chất X có công thức phân tử $\text{C}_6\text{H}_8\text{O}_4$. Cho 1 mol X phản ứng hết với dung dịch NaOH thu được chất Y và 2 mol chất Z. Đun Z với dung dịch H_2SO_4 đặc thu được đimetyl ete. Chất Y phản ứng với dung dịch H_2SO_4 loãng dư thu được chất T. Cho T phản ứng với HBr thu được hai sản phẩm là đồng phân cấu tạo của nhau. Phát biểu nào sau đây đúng?</p> <p>A. Chất T không có đồng phân hình học. B. Chất X phản ứng với H_2 (Ni, t°) theo tỉ lệ mol 1 : 3. C. Chất Y có công thức phân tử $\text{C}_4\text{H}_4\text{O}_4\text{Na}_2$. D. Chất Z làm mất màu nước brom.</p> <p>Câu 16. hỗn hợp X gồm chất Y ($\text{C}_2\text{H}_8\text{N}_2\text{O}_4$) và chất Z ($\text{C}_4\text{H}_8\text{N}_2\text{O}_3$); trong đó Y là muối của axit đa chức, Z là dipeptit mạch hở. Cho 25,6 gam X tác dụng với dung dịch NaOH dư, đun nóng, thu được 0,2 mol khí. Mặt khác 25,6 gam X tác dụng với dung dịch HCl dư, thu được m gam chất hữu cơ. giá trị của m là</p> <p>A. 20,15. B. 31,30. C. 23,80. D. 16,95.</p> <p>Câu 36. Cho các chất sau: etilen, axetilen, phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$), buta-1,3-đien, toluen, anilin. Số chất làm mất màu nước brom ở điều kiện thường là</p>	5

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

	A. 4	B. 2	C. 5	D. 3
Câu 39. Cho X, Y, Z, T là các chất khác nhau trong số 4 chất: CH ₃ NH ₂ , NH ₃ , C ₆ H ₅ OH (phenol), C ₆ H ₅ NH ₂ (anilin) và các tính chất được ghi trong bảng sau				
Chất	X	Y	Z	T
Nhiệt độ sôi (°C)	182	184	-6,7	-33,4
pH (dung dịch nồng độ 0,001M)	6,48	7,82	10,81	10,12
Nhận xét nào sau đây đúng?				
	A. Y là C ₆ H ₅ OH.	B. Z là CH ₃ NH ₂ .	C. T là C ₆ H ₅ NH ₂ .	D. X là NH ₃ .
Câu 38. Một bình kín chỉ chứa các chất sau: axetilen (0,5 mol), vinylacetilen (0,4 mol), hidro (0,65 mol), và một ít bột Niken. Nung nóng bình một thời gian thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối so với H ₂ bằng 19,5. Khí X phản ứng vừa đủ với 0,7 mol AgNO ₃ trong NH ₃ thu được m gam kết tủa và 10,08 lít hỗn hợp khí Y (điều kiện tiêu chuẩn). Khí Y phản ứng tối đa với 0,55 gam brom trong dung dịch. Giá trị của m là				
	A. 76,1.	B. 92,0.	C. 75,9.	D. 91,8.

II- Phần giao thoa

Sắt, Crom, đồng, niken, kẽm, chì, bạc, vàng, thiếc; các hợp chất của chúng.	<i>số câu</i>
<p>Câu 1. Cho sơ đồ phản ứng sau:</p> $R + 2HCl_{(lo\grave{a}ng)} \xrightarrow{t^o} RCl_2 + H_2.$ $2R + 3Cl_2 \xrightarrow{t^o} 2RCl_3.$ $R(OH)_3 + NaOH_{(lo\grave{a}ng)} \rightarrow NaRO_2 + H_2O$ <p>Kim loại R là</p> <p>A. Cr B. Al C. Mg D. Fe</p> <p>Câu 5. Nung hỗn hợp gồm 0,12 mol Al và 0,04 mol Fe₃O₄ một thời gian thu được hỗn hợp rắn X. Hòa tan hoàn toàn X trong dung dịch HCl dư thu được 0,15 mol khí H₂ và m gam muối. Giá trị của m là</p> <p>A. 34,10. B. 32,58 C. 31,97 D. 33,39.</p>	2
<p>Phân biệt chất vô cơ, hoá học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường.</p> <p>Câu 12. Trái cây được bảo quản lâu hơn trong môi trường vô trùng. Trên thực tế, người ta dùng nước ozon để bảo quản trái cây. Ứng dụng trên dựa trên tính chất nào sau đây?</p> <p>A. Ozon trở về mặt hóa học. B. Ozon là chất khí có mùi đặc trưng.</p> <p>C. Ozon là chất có tính oxi hóa mạnh. D. Ozon không tác dụng được với nước.</p>	1

Vài nhận xét:

Sau khi bỏ phần riêng, bộ phận ra đề đã dồn hoặc tách các phần riêng:

- ✓ Phần riêng nhưng giống phần chung như từ oxi hóa-khử, tốc độ phản ứng, cân bằng hóa học, sự điện lí, andehyt-xeton, axit cacboxylic, đại cương kim loại, Phân biệt chất vô cơ, chuẩn độ dung dịch, hoá

TRUNG TÂM GIA SƯ LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

học và vấn đề phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, đến Hidrocarbon, dẫn xuất halogen, phenol, ancol, cacbonhidrat, polime được tăng lên hoặc giảm xuống về số lượng:

Ví dụ:

- ❖ Chủ đề các phi kim và hợp chất từ **3 câu dồn thêm 3 câu nữa thành 5, giảm 1 câu so với khối A.**
 - ❖ Chủ đề kim loại kiềm, kim loại kiềm thổ, nhôm và hợp chất giảm 2 câu và không đổi số câu so với khối A
 - ❖ Ngoài ra một số chủ đề khác giảm 1 câu (như chủ đề 2 giảm 1 câu về CBHH; tổng hợp các hợp chất vô cơ , chủ đề amin-aminoaxit-peptit giảm câu amin;) Trong lúc đó tăng thêm 1 câu như chủ đề ancol-phenol, andehyt-axit, hay sự điện li.
- ✓ Phân riêng nhưng không giống với phần chung là **Sắt, Crom, đồng, niken, kẽm, chì, bạc, vàng, thiếc; các hợp chất của chúng** vẫn giữ 2 câu.
 - ✓ Có thêm 1 câu (rõ nét) về môi trường...
 - ✓ *Ý kiến của quý thầy- cô giáo và các bạn khác xem sự phân loại như vậy (của tôi) đã phù hợp hay chưa? Rất mong sự chỉ giáo.*

TRUNG TÂM GIA SƯ, LUYỆN THI ALPHA THÀNH PHỐ VINH

Địa chỉ: Số 04 - Ngõ 03 - Đường Tân Hùng - Tp.Vinh

(Gần Đại học y khoa Vinh)

Điện thoại : 0917.638.972 – 0984.638.972

Email: trungtamgiasu.alpha@gmail.com

Website :<http://giasualpha.edu.vn/>

Facebook: <https://www.facebook.com/groups/giasualpha/>